

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 11/06 – 17/06

PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
VÀ GIÁM SÁT GIAO DỊCH VỐN

Mỹ	Tuần này, chỉ số DXY tăng 0,6% lên mức 105,55. DXY giảm xuống 104,65 sau khi Fed dự phóng chỉ hạ lãi suất 1 lần trong năm 2024 tại cuộc họp vào thứ Tư dù lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt (CPI T5 tăng 0,2% so với tháng trước, so với dự báo 0,3%). Sau đó, chỉ số DXY tăng lên mức 150,55 sau tin tức bất ổn chính trị ở Châu Âu và dữ liệu việc làm phi nông nghiệp T5 của Mỹ đạt 272.000, so với dự báo 180.000. Đà tăng của DXY bị kiềm chế khi chỉ số PPI công bố giảm 0,2% so với dự báo tăng 0,5%; số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp chạm mức 242.000, mức cao nhất trong 10 tháng.
Khu vực đồng Euro	EUR giảm 0,93% trong tuần này, EUR/USD chốt tuần ở mức 1,07 thấp nhất trong 2 tháng qua sau khi các Đảng cực hữu bất ngờ giành ưu thế trong cuộc bầu cử Nghị viện Châu Âu. EUR dự kiến chịu ảnh hưởng bởi bất ổn chính trị tại châu Âu tiếp theo động thái của Tổng thống Pháp kêu gọi tổ chức bầu cử sớm tại Pháp.
Anh	GBP giảm 0,31% và chốt tuần ở mức 1,2682 do ảnh hưởng từ sự bất ổn chính trị tại khu vực châu Âu. Hiện nay, GBP đang dao động ở mức hẹp khi các nhà đầu tư đang chờ đợi dữ liệu CPI tháng 5 tại Anh vào tuần tới, cũng như cuộc họp chính sách tiếp theo của BOE vào cuối tháng này.
Nhật Bản	USD/JPY tăng 0,2% và chốt tuần ở mức 157,68 sau khi NHTW Nhật Bản (BoJ) dự định thắt chặt chính sách trong cuộc họp tháng 6. Theo đó, BoJ giữ nguyên lãi suất và cho biết sẽ chỉ đưa ra những tín hiệu rõ ràng về kế hoạch giảm mua trái phiếu tại cuộc họp tháng 7.
Trung Quốc	USD/CNY tăng 0,11% lên mức 7,2560 vào phiên cuối tuần, gần mức cao nhất trong 6 tháng sau khi dữ liệu hoạt động cho vay của ngân hàng mới ở Trung Quốc hồi phục ít hơn so với dự kiến trong tháng 5 (950 tỷ NDT so với dự báo 2.250 tỷ NDT). Các chuyên gia kinh tế cho rằng Chính phủ Trung Quốc dường như không muốn cắt giảm lãi suất sớm do lo ngại đồng CNY sẽ mất giá khi Fed vẫn chưa có động thái mới.

Lãi suất

- Lãi suất MM kỳ hạn O/N-1W **tăng 20 – 35bps** tại lên mức **4,45%-4,58%/năm**, 1M **tăng 7bps** lên mức **4,9%/năm**.
- Trong tuần, thị trường mở ở trạng thái hút ròng: khối lượng giao dịch reverse repo đạt ~5.057 tỷ VND so với lượng đáo hạn là ~ 12.905 tỷ VND; khối lượng tín phiếu đạt 7.350 tỷ VND so với lượng đáo hạn 6.000 tỷ VND. Lãi suất trúng thầu tín phiếu không đổi ở mức 4,25%/năm.
- Trong tuần từ 17/06, dự kiến đáo hạn ~2.700 tỷ VND tín phiếu và ~5.057 tỷ VND reverse repo. Trong bối cảnh thanh khoản vẫn dư thừa và lãi suất trúng thầu vẫn ở mức cao, mặt bằng lãi suất MM dự kiến sẽ duy trì quanh mức trên 4%/năm.

Tỷ giá

- USD/VND LNH tăng ~0,21%** so với tuần trước trong bối cảnh USD mạnh lên và nhu cầu mua vẫn lấn át mức cung. Tỷ giá LNH đã **tăng ~4,96%** kể từ đầu năm và **tăng 8,28%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá thị trường tự do giữ ở mức **25.818** (chiều bán), cao hơn **~357 đồng** so với tỷ giá bán niêm yết của VCB.
- Trong tuần, NHNN tiếp tục thực hiện bình ổn giá vàng qua việc bán vàng trực tiếp thông qua 4 NHTM NN, giá vàng SJC **giảm** và chốt tuần ở mức ~77 triệu đồng/lượng chiều bán ra, khoảng cách với giá vàng quốc tế ổn định ở mức ~ 5-6 triệu đồng/lượng.
- Tuần tới, tỷ giá LNH dự kiến dao động trong khoảng +/- 50 đồng.

Trái phiếu chính phủ

Sơ cấp

- Trong tuần, KBNN phát hành thành công **5.570 tỷ VND/ 8.500 tỷ VND** gọi thầu. Tổng khối lượng phát hành từ đầu năm đạt **134.721 tỷ VND**, đạt **33,7%** kế hoạch cả năm (400 nghìn tỷ đồng).
- Tỷ lệ trúng thầu kỳ hạn 5 năm và 10 năm đạt 100%, kỳ hạn 30 năm đạt 14%, các kỳ hạn 7 năm, 15 năm và 20 năm không trúng thầu.
- Lợi suất trúng thầu **tăng 3bps** tại kỳ hạn 5 năm và 10 năm lên mức tương ứng **1,83%/năm** và **2,71%/năm**, và giữ nguyên tại kỳ hạn 30 năm là **3,1%/năm**.

Thứ cấp

- Lãi suất TPCP thứ cấp các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm nhẹ**. Lợi suất ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm 1,2 – 3,4 bps** lần lượt còn **1,96%/năm, 2,79%/năm và 2,99%/năm**.
- Dự kiến với lãi suất tín phiếu và reverse đang ở mức 4,5%/năm và 4,25%/năm, và mặt bằng MM vẫn ở mức cao, lợi suất trong tuần có thể dao động trong vòng 5-10 bps.

Cà phê

- Thị trường cà phê có xu hướng **giảm** trong tuần này. Giá cà phê toàn cầu giảm do ảnh hưởng bởi mùa vụ, khi mùa thu hoạch tại Brazil đang bắt đầu. Cụ thể, giá cà phê Robusta và Arabica kỳ hạn 9/2024 **giảm** lần lượt về mức **4.116 USD/tấn** và **2,255 USD/lb**.

Ngũ cốc

- Giá lúa mì **giảm 6,02%** so với tuần trước, xuống mức **6,2 USD/brushel** do lo ngại từ các nhà môi giới về tình hình thời tiết khắc nghiệt có thể ảnh hưởng tới mùa vụ tại khu vực Biển Đen và nguồn cung thuận lợi tại Mỹ. Giá ngô tăng khi nhiệt độ có dấu hiệu tăng cao ở khu vực trồng ngô tại Mỹ, **tăng 0,88%** so với tuần trước lên mức **4,58 USD/brushel**.

Kim loại

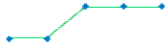
- Giá đồng **giảm 4,35%** xuống mức **4,48 USD/lb** khi đồng USD có xu hướng ổn định trong tuần này sau khi Fed công bố giữ nguyên lãi suất. Nhu cầu quặng sắt tại Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng và động thái mới nhất của Bắc Kinh nhằm vực dậy thị trường bất động sản đã kéo giá quặng sắt tăng lên mức **106.42 USD/tấn**.

Năng lượng

- Giá dầu có xu hướng **tăng** vào cuối tuần sau khi OPEC công bố sự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thô, cùng với đó là dữ liệu lạm phát chậm lại và thị trường việc làm hạ nhiệt làm tăng kỳ vọng giảm lãi suất mặc cho những phát biểu của Fed tại cuộc họp gần nhất. Dầu WTI **tăng 2,99%** đạt **77,808 USD/thùng**, trong khi đó dầu Brent tăng **2,70%/năm** chạm mức **82,026 USD/thùng**.

	14/06/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Chỉ số USD	105,550		 0,63%	 0,84%	 4,16%	 2,53%
EUR/USD	1,07		 -0,93%	 -1,30%	 -3,04%	 -1,21%
GBP/USD	1,2682		 -0,31%	 -0,45%	 -0,37%	 0,17%
AUD/USD	0,6614		 0,49%	 -0,57%	 -2,88%	 -2,64%
USD/JPY	157,370		 0,43%	 0,04%	 11,56%	 12,33%
USD/CNY	7,2557		 0,11%	 0,20%	 2,22%	 1,32%
USD/KRW	1.381,84		 0,22%	 0,01%	 6,76%	 8,46%
Giá vàng (USD/oz)	2.333,0		 1,65%	 0,23%	 13,09%	 20,03%
Tỷ giá VCB bán	25.461		 0,03%	 -0,05%	 4,18%	 7,57%
Tỷ giá trung tâm	24.249		 0,03%	 -0,05%	 1,60%	 2,32%
Tỷ giá SBV mua	23.400		 0,00%	 0,00%	 0,00%	 0,00%
Tỷ giá SBV bán	25.450		 0,00%	 0,00%	 1,76%	 2,48%
Tỷ giá TT tự do	25.818		 0,61%	 -0,14%	 4,14%	 9,63%
Giá vàng SJC	76.980		 -3,41%	 -13,02%	 4,03%	 15,15%

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

	14/06/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Lãi suất SOFR	đơn vị: %		đơn vị: bps			
3M	5,33		 0,4	 0,2	 -2,3	 23,0
6M	5,34		 1,0	 0,1	 1,3	 12,6
TPCP Mỹ	đơn vị: %					
2Y	4,70		 -18,2	 -17,1	 45,7	 1,1
10Y	4,22		 -21,3	 -28,2	 35,5	 43,1
Lãi suất MM	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
1W	4,58		 0,20	 0,88	 1,30	 2,58
1M	4,90		 0,07	 -0,10	 2,34	 1,28
Lãi suất repo	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
2W	4,80		 4,30	 0,10	 2,10	 1,80
1M	4,90		 4,15	 -0,20	 2,20	 1,10
TPCP VN thứ cấp	đơn vị: %		đơn vị: bps			
5Y	1,965		 -3,4	 -7,2	 43,2	 -35,1
7Y	2,276		 -2,1	 -3,8	 33,5	 -23,1
10Y	2,794		 -1,6	 -5,5	 55,7	 -12,2
15Y	2,992		 -1,2	 -2,9	 55,7	 -7,4

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ

Đơn vị		05/23	06/23	07/23	08/23	09/23	10/23	11/23	12/23	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24
Chỉ báo tiêu dùng														
Bán lẻ, dịch vụ	% yoy	11,5	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	8,7
- Bán lẻ hàng hoá	% yoy	10,9	6,0	7,0	7,5	7,4	6,7	9,1	8,6	7,3	7,0	7,6	7,2	7,4
- Dịch vụ lưu hành	% yoy	40,3	7,8	6,5	21,3	44,9	51,4	70,9	71,3	18,5	35,8	66,1	57,6	45,1
Vận tải hành khách	% yoy	13,6	1,8	5,3	5,9	5,7	6,5	5,1	8,5	3,0	14,3	9,4	8,2	6,1
Vận tải hàng hoá	% yoy	20,7	10,9	9,8	13,6	12,5	11,9	7,7	8,2	1,8	13,5	13,3	11,5	11,4
Khách quốc tế	% yoy	429,8	312,0	194,6	150,3	144,1	129,7	106,6	93,9	10,3	64,1	78,6	58,2	64,9
Chỉ báo sản xuất														
Sản xuất công nghiệp	yoy	0,1	2,8	3,7	2,6	5,1	4,1	5,8	5,8	18,3	5,7	4,1	6,3	6,8
- Chế biến chế tạo	yoy	-0,5	2,9	3,6	3,5	5,9	4,9	6,3	7,6	19,3	5,9	4,6	7,0	7,3
PMI ngành sản xuất	chỉ số	45,3	46,2	48,7	50,5	49,7	49,6	47,3	48,9	50,3	50,4	49,9	50,3	50,3
PMI-chỉ số việc làm	chỉ số	47,2	45,0	48,5	49,7	48,3	50,1	48,8	49,9	49,7	50,9	52,1		
Tỷ lệ thất nghiệp (quý)	%				2,3			2,3			2,2			
Sử dụng lao động - CBCT	% yoy	-4,8	-4,5	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,3	1,1	3,4	3,4
Tổng vốn đầu tư	% yoy				7,6			7,5			5,2			
Đầu tư nước ngoài														
Vốn đăng ký mới	tỷ USD	2,0	2,6	2,8	1,9	2,1	5,6	3,1	7,8	2,4	1,9	0,5	2,3	
- Chế biến chế tạo	tỷ USD	1,5	1,8	2,5	1,4	1,7	4,8	2,1	2,5	0,9	1,6	1,4	1,1	
Vốn giải ngân	tỷ USD	1,8	2,4	1,6	1,5	2,8	2,1	2,3	2,9	1,5	2,5	3,5	4,5	
Thương mại														
Xuất khẩu hàng hóa	% yoy	-5,9	-11,4	-3,5	-7,6	4,6	5,9	6,7	13,1	42,0	-5,0	14,2	10,6	15,2
Nhập khẩu hàng hóa	% yoy	-18,4	-16,9	-9,9	-8,3	2,6	5,2	5,1	12,3	33,3	1,8	9,7	15,4	18,2
Cán cân hàng hóa	tỷ USD	2,0	3,1	2,2	3,8	2,3	3,0	1,3	2,3	2,9	1,1	2,9	0,7	-1,0
Cán cân dịch vụ (quý)	tỷ USD				-2,6			-2,8			-2,3			
Chỉ số giá														
Lạm phát toàn phần	% yoy	2,4	2,0	2,1	3,0	3,7	3,6	3,4	3,6	3,4	4,0	3,8	3,9	4,0
Lạm phát cơ bản	% yoy	4,5	4,3	4,1	4,0	3,8	3,4	3,2	3,0	2,7	3,0	2,8	2,8	2,8
Chỉ số giá đầu vào - PMI	chỉ số	48,4	47,6	48,3	52,8	54,7	55,8	55,9	55,5	55,6	55,0	53,0		
Chỉ số giá đầu ra - PMI	chỉ số	48,4	45,9	46,0	51,2	51,9	52,4	52,1	50,2	49,7	50,8	49,6		8

Một số dữ liệu công bố đáng chú ý trong tuần từ **17/06-21/06**

17/06

- ✓ **Khu vực đồng Euro:** Chỉ số tiền lương Q1/24 (yoy)

18/06

- ✓ **Khu vực đồng Euro:** CPI (Tháng 5) (mom) (yoy)
- ✓ **Mỹ:** Doanh số bán lẻ, Chỉ số sản xuất công nghiệp (Tháng 5)
- ✓ **Nhật Bản:** Chỉ số giá Xuất – Nhập khẩu, Cán cân thương mại (Tháng 5)

19/06

- ✓ **Trung Quốc:** Lãi suất cho vay (Tháng 6)

20/06

- ✓ **Đức:** PPI, PPI lõi (Tháng 5)
- ✓ **Khu vực đồng Euro:** Chỉ số niềm tin người tiêu dùng
- ✓ **Mỹ:** Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu
- ✓ **Nhật Bản:** CPI (Tháng 5) (mom) (yoy)

21/06

- ✓ **Mỹ:** Doanh số bán nhà (Tháng 5) (mom)

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây. Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này. Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB. Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật.

*Thông tin liên hệ: Phòng Phát triển sản phẩm và Giám sát giao dịch vốn
Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137
Email: @vietcombank.com.vn*